TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1538/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 19-12-2025
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hồng Phương

Ông Nguyễn Hồng Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 -Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 296/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4869/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Đình C, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Số D, Khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền (giao nhận văn bản tố tụng):
1. Bà Nguyễn Thanh T; sinh năm 2000.
Địa chỉ: Tổ A, Khu phố V, xã T, tỉnh Gia Lai.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng T1; sinh năm 1994.
Địa chỉ: F5/41 L, Tổ A, ấp B, phường T, tỉnh Đồng Nai.
3. Bà Trần Lê Phước Ngọc N; sinh năm 2004.
Địa chỉ: Số F, đường N, Khu phố D, phường Q, phường T, tỉnh Đồng Nai.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 18/07/2025 số 007280/2025/CCGD tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh)

- *Bị đơn:* Bà Cao Thị T2, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Số D, Khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền (giao nhận văn bản tố tụng): Ông Nguyễn H; sinh năm 2001.
Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Đắk Lắk.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 25/9/2025 số 323.09/2025 quyển số 01-SCT/CK, ĐC của Lãnh sự quán Việt Nam tại N, Hoa Kỳ)

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Đình C trình bày:

Ông Đặng Đình C và bà Cao Thị T2 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132 quyển số 01/2012 ngày 24/10/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra tranh cãi và không tìm được tiếng nói chung. Dù đã nhiều lần hòa giải, cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Cao Thị T2.

Về con chung: Ông Đặng Đình C và bà Cao Thị T2 trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung, tên Đặng Khôi N1, sinh ngày 02/4/2014. Ông Đặng Đình C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ Đặng Khôi N1 và không yêu cầu bà Cao Thị T2 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Cao Thị T2 trình bày:

Bà Cao Thị T2 và ông Đặng Đình C kết hôn ngày 24/10/2012 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132 quyển số 01/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp. Cuộc sống thường xuyên tranh cãi, căng thẳng, không có tiếng nói chung. Hai bên đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà Cao Thị T2 đồng ý ly hôn với ông Đặng Đình C.

Về con chung: Có 01 (một) con chung, tên Đặng Khôi N1, sinh ngày 02/4/2014. Bà Cao Thị T2 đồng ý giao 01 (một) con chung cho ông Đặng Đình C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Bà C tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mỗi tháng, lần lượt cho đến khi trẻ Đặng Khôi N1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Cao Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đặng Đình C và bà Cao Thị T2 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông C và bà T2 giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 31/PC-VKS-HNGĐ ngày 12/12/2025 xác định không tham gia phiên tòa theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Đặng Đình C yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Cao Thị T2, do đó đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bị đơn bà Cao Thị T2 có cơ sở xác định bà T2 hiện đang thường trú tại địa chỉ số D, Khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn ông Đặng Đình C và bị đơn bà Cao Thị T2 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Đình C và bà Cao Thị T2 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 132 quyển số 01/2012 ngày 24/10/2012 do Ủy ban nhân dân phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Đình C và bà Cao Thị T2 là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông Đặng Đình C và bà Cao Thị T2 phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Đặng Đình C và bà Cao Thị T2 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông C được ly hôn với bà T2 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung:

Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 86, quyển số 01/2014 ngày 14/04/2014 do Ủy ban nhân dân phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là

phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho trẻ Đặng Khôi N1, sinh ngày 02/4/2014.

Ông Đặng Đình C và bà Cao Thị T2 cùng xác định có 01 (một) con chung tên Đặng Khôi N1, sinh ngày 02/4/2014.

Căn cứ tài liệu và lời khai của các bên, xác định trẻ Đặng Khôi N1 là con chung của ông Đặng Đình C và bà Cao Thị T2.

Theo đơn khởi kiện, ông Đặng Đình C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) con chung Đặng Khôi N1. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 27/10/2025 của trẻ Đặng Khôi N1 có trình bày nguyện vọng được sống chung với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

Xét thấy nguyện vọng của ông Đặng Đình C là chính đáng, trẻ K có nguyện vọng được sống chung cùng cha và cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Đình C, giao con chung là trẻ Đặng Khôi N1, sinh ngày 02/4/2014 cho ông Đặng Đình C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng cho con: Ông Đặng Đình C không yêu cầu. Tuy nhiên, bà Cao Thị T2 tự nguyện yêu cầu cấp dưỡng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mỗi tháng cho trẻ N1, lần lượt cho đến khi trẻ N1 đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu được cấp dưỡng cho con của bà Cao Thị T2 là chính đáng, không vi phạm điều cấm của luật, vì quyền và lợi ích của trẻ N1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc tự nguyện cấp dưỡng cho con của bà Cao Thị T2. Do đó, bà T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Đặng Khôi N1 mỗi tháng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), lần lượt đến khi trẻ N1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Đình C và bà Cao Thị T2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông Đặng Đình C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Cao Thị T2 phải chịu án phí về việc cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2, Điều 21; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Đình C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Đình C được ly hôn với bà Cao Thị T2. (Giấy chứng nhận kết hôn số 132 quyển số 01/2012 ngày 24/10/2012 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) không còn hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Đình C, giao 01 (Một) con chung tên Đặng Khôi N1, sinh ngày 02/4/2014 cho ông Đặng Đình C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng cho con: Bà Cao Thị T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi trẻ Đặng Khôi N1 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà Cao Thị T2 có quyền và nghĩa vụ nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Cao Thị T2 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của trẻ Đặng Khôi N1 được sống chung với ông Đặng Đình C.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Đình C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Đặng Đình C phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0057368 ngày 26/02/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đặng Đình C đã nộp đủ án phí.

Án phí đối với việc cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Cao Thị T2 phải chịu.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Toà hoặc không có mặt khi Tòa tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 7-TP.HCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- UBND Phường A, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Tiến Thịnh